

Số: 47 /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Công nghiệp Kawajun Việt Nam tại văn bản số 30/VBGTKAWAJUN ngày 30/11/2022 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp GPMT của dự án “Nhà máy sản xuất giá và kệ hàng, giá trưng bày sản phẩm công suất 501.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ); sản xuất xe đẩy hàng công suất 100.000 sản phẩm/năm, tương đương 70 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ)” tại Lô G, đường N4, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghiệp Kawajun Việt Nam, địa chỉ tại KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất giá và kệ hàng, giá trung bày sản phẩm công suất 501.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ); sản xuất xe đẩy hàng công suất 100.000 sản phẩm/năm, tương đương 70 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ)” tại Lô G, đường N4, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất giá và kệ hàng, giá trung bày sản phẩm công suất 501.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ); sản xuất xe đẩy hàng công suất 100.000 sản phẩm/năm, tương đương 70 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô G, đường N4, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số doanh nghiệp 3603881762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/08/2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 1068267670 do Ban Quản lý các KCN cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 3603881762.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất giá và kệ hàng, giá trung bày sản phẩm (không bao gồm công đoạn xi mạ); sản xuất xe đẩy hàng (không bao gồm công đoạn xi mạ). Trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Trên diện tích đất 38.470,40 m<sup>2</sup> thuê lại đất Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V.R.G Long Thành tại Lô G, đường N4, KCN Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: sản xuất giá và kệ hàng, giá trung bày sản phẩm công suất 501.000 sản phẩm/năm, tương đương 2.000 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ); sản xuất xe đẩy hàng công suất 100.000 sản phẩm/năm, tương đương 70 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ).

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu



về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghiệp Kawajun Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Công nghiệp Kawajun Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 12 năm 2022 đến ngày 19 tháng 12 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Công nghiệp Kawajun Việt Nam;
- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Website của BQL các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT)

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Lê Văn Danh**

## Phụ lục 1

### **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 47/GPMT-KCNĐN ngày 19/12/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Các nguồn nước thải phát sinh của dự án bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình làm sạch bề mặt.

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

##### 2.2. Vị trí đầu nối nước thải:

- Vị trí: tại 01 hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn tại đường số N5.

- Tọa độ vị trí: X: 1.193.056; Y: 416.738 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>o</sup>).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 69 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn theo Hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được thu gom về bể tự hoại 5 ngăn tổng thể tích 21 m<sup>3</sup> bằng hệ thống ống dẫn bằng PVC Ø114-168 mm để xử lý sơ bộ (Công ty bố trí 04 bể tự hoại có thể tích lần lượt là 2 bể thể tích 2m<sup>3</sup> đặt ở nhà bảo vệ, 1 bể thể tích 5m<sup>3</sup> đặt ở khu nhà xưởng, 1 bể thể tích 12 m<sup>3</sup> đặt ở khu nhà xưởng và văn phòng để thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy).

- Nước thải sản xuất từ công đoạn xử lý bề mặt trước khi sơn tĩnh điện tại dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất 48 m<sup>3</sup>/ngày bằng



hệ thống ống dẫn bằng PVC Ø168 mm trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN tại 01 điểm trên đường số N5 bằng hệ thống ống PVC Ø168 mm, độ dốc công  $i = 0,5\%$ .

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhập chung với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN tại 01 điểm trên đường N5 của KCN bằng hệ thống ống PVC Ø168 mm, độ dốc công  $i = 0,5\%$ .

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: 04 bể tự hoại với tổng thể tích  $21 \text{ m}^3$ .

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế  $48 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sản xuất → bể thu gom → bể tách dầu và lắng sơ bộ → bể điều hoà → bể fenton từng mẻ → đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn 01 điểm trên đường số N5.

- Công suất thiết kế:  $48 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:  $\text{H}_2\text{SO}_4$ , NaOH, Polymer,  $\text{FeCl}_2$ .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng, bắt đầu từ tháng 12/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất  $48 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại đầu vào và đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của Lộc An – Bình Sơn theo hợp đồng xử lý nước thải giữa Chủ đầu tư dự án và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V.R.G Long Thành), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 – 9	Theo quy định của Công ty hạ tầng KCN
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Tổng nitơ	mg/l	40	
7	Tổng phot pho (tính theo P )	mg/l	6	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
9	Cu	mg/l	2	
10	Zn	mg/l	3	
11	Coliform	VK/100ml	5.000	

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V.R.G Long Thành, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 47 /GPMT-KCNĐN ngày 19/12/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Các nguồn khí thải phát sinh của dự án bao gồm:

- Nguồn số 01: Bụi sơn từ buồng phun sơn tĩnh điện một màu.
- Nguồn số 02: Bụi sơn từ buồng phun sơn tĩnh điện nhiều màu.
- Nguồn số 03: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình sấy (02 buồng sấy sử dụng nhiên liệu LPG).

##### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường sau xử lý).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

- Đối với 02 buồng sơn tĩnh điện: Lắp đặt 02 hệ thống thu hồi bụi sơn (đi kèm buồng sơn), quy trình thu hồi như sau: Bụi sơn từ buồng sơn tĩnh điện → Cyclon → Thiết bị lọc bụi (Lõi lọc Cartridge) → Thoát ra môi trường lao động (Không có ống thải). Bụi sơn từ thu hồi từ hệ thống thu hồi buồng sơn một màu tái sử dụng cho công đoạn sơn hoặc chuyển giao xử lý như chất thải nguy hại.

- Hơi, nhiệt thừa từ quá trình sấy (02 buồng sấy sử dụng nhiên liệu LPG) được phát tán ra môi trường qua 02 ống thải.

##### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

##### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47/GPMT-KCNĐN ngày 19/12/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

##### 1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Công đoạn cắt laser.
- Nguồn số 2: Công đoạn dập định hình.

##### 1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 1: Khu vực cắt laser; tọa độ: X = 1.193.755; Y<sub>1</sub>: 416.460
- Nguồn số 2: Khu vực dập định hình; tọa độ: X = 405.724; Y = 1.208.966

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>).

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo

duỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.



**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47 /GPMT-KCNĐN ngày 19 /12 /2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

- Khối lượng phát sinh: 3.835 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	10	NH
2	Giẻ lau, vật liệu lọc nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	400	KS
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	50	KS
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	150	KS
5	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	75	NH
6	Cặn sơn thải	Rắn	08 01 01	200	KS
7	Bazơ tẩy thải	Lỏng	07 01 03	250	NH
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	1.200	KS
9	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/bùn	07 03 11	1.500	KS
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>				<b>3.835</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

- Khối lượng phát sinh: 31.182 kg/năm

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì, giấy carton, giấy vụn	18 01 05	1.000	TT-R
2	Phế liệu: các loại phôi bào, phôi tiện, tấm dầu cuộn, cấu kiện lõi, kết cấu vụn, sắt thép phế liệu,...	-	22.000	TT-R
3	Bao bì PP, PE không nhiễm TPNH	18 01 06	900	TT-R
4	Hộp mực in văn phòng	08 02 08	100	TT
5	Bùn thải từ bể tự hoại	07 01 11	7.182	TT
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>31.182</b>	

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải thực phẩm	13.570
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	750
3	Chất thải rắn còn lại	500
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>14.820</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại, có bố trí các khay bằng nhựa chứa các thiết bị chứa chất thải lỏng phòng ngừa chống tràn đổ.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 44 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 90 lít đặt tại các khu vực căn tin, nhà vệ sinh, văn phòng và một số khu vực làm việc khác. Toàn bộ lượng CTR sinh hoạt sẽ được thu gom về 1 thùng rác lớn 660 lít có nắp đậy kín.



2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- 2 thùng rác lớn 660 lít được đặt ở bên ngoài nhà xưởng.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 47 /GPMT-KCNĐN ngày 19 / 12 /2022  
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

#### B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật



hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Đầu tư hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI**